TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2017/DSST
Ngày 14 tháng 12 năm 2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH KHÁNH HÒA
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trọng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Tam Kỳ

: Ông Nguyễn Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V - tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V- tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V - tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2016/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017, tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Trần Thị T - sinh năm: 1953; trú tại: Thôn Q - xã T - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn C - sinh năm: 1970;

Chị Huỳnh Thị Kim C - sinh năm: 1982;

Cùng trú tại: Thôn Q - xã T - huyện V - tỉnh Khánh Hòa.

Anh C, chị C đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017, đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày

16/10/2017; và các lời khai tiếp theo, tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày: Khoảng năm 2014, vợ chồng anh C, chị C vay của bà T nhiều lần để nuôi tôm hùm tổng cộng 470.000.000đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Đến ngày 12/12/2015, vợ chồng anh C, chị C tiếp tục bán một chiếc ghe giã cào, trị giá 170.000.000đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) cho bà T để khấu trừ số nợ 470.000.000đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Đồng thời, bà T làm giấy vay tiền đề ngày 12/12/2015, hai bên xác nhận số nợ còn lại là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), cả vợ chồng anh C, chị C trực tiếp ký tên vào giấy vay tiền.

Ngày 27/5/2016, vợ chồng anh C, chị C vay thêm 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) để nuôi tôm; lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay như trên. Anh C trực tiếp liên lạc qua điện thoại để vay số tiền trên và chị C là người trực tiếp nhận tiền vay. Nội dung vay số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) bà Tỵ viết vào mặt sau của giấy vay tiền đề ngày 12/12/2015, anh C, chị C đều xác nhận nhưng chỉ có bà C ký tên, ông C không ký tên. Sau đó, ông C, bà C tiếp tục bán cho bà T một chiếc bè nuôi tôm hùm, trị giá 120.000.000đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) để khấu trừ nợ gốc 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng). Hiện tại anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim C còn nợ bà Tỵ số tiền 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) và hẹn đến tháng 12/2016 vợ chồng chị C, anh C trả cho bà T số tiền gốc còn nợ, nhưng đến hạn trả nợ chị C, anh C không trả cho bà T một khoản tiền nào, mặc dù bà T đòi rất nhiều lần. Bà T yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Thị Kim C và anh Nguyễn Văn C trả cho bà T một lần toàn bộ số nợ 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu vợ chồng ông C bà C phải trả lãi do chậm trả.

- Tại bản tự khai ngày 17/10/2017 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Thị Kim C trình bày:

Khoảng năm 2014, vợ chồng chị C, anh C vay nhiều lần của bà Trần Thị T tổng cộng 470.000.000đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) để nuôi tôm hùm, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay không xác định. Đến ngày 12/12/2015, vợ chồng chị C, anh C bán một chiếc ghe giã cào, trị giá 170.000.000đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) cho bà T để khấu trừ nợ gốc. Hai bên làm giấy xác nhận vợ chồng chị C anh C còn nợ bà T là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

Ngày 27/5/2016, vợ chồng chị C, anh C tiếp tục vay của bà Tỵ 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) để nuôi tôm; lãi suất hai bên thỏa thuận. Hai bên thống nhất viết giấy xác nhận nợ. Sau đó, vợ chồng chị C, anh C bán cho bà T một chiếc bè nuôi tôm hùm, trị giá 120.000.000đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) để khấu trừ số nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc vợ chồng chị C, anh C còn nợ bà T là 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).(400.000.000đồng - 120.000.000đồng = 280.000.000đồng) và hẹn đến tháng 12/2016 sẽ trả số nợ trên nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị C, anh C chưa trả số nợ trên cho bà T.

Chị C xác định hiện nay vợ chồng chị C, anh C còn nợ bà T 280.000.000đồng

(hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc. Do điều kiện kinh tế khó khăn, chị C yêu cầu mỗi tháng, chị C, anh C trả cho bà T 4.000.000đồng/tháng (bốn triệu đồng/tháng) cho đến khi hết nợ gốc 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền lãi chị C, anh C đã trả cho bà T. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Mặc dù không ký vào các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Trong hai năm 2015, năm 2016 vợ chồng anh C, chị C có vay của bà T ở thôn Q, T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, nhiều lần khoản 420.000.000đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất do bà T và chị C thỏa thuận, anh C không biết. Số tiền vay anh C, chị C dùng vào việc mua tôm hùm và mua thức ăn cho tôm hùm để phục vụ công việc làm ăn của gia đình. Sau đó anh C, chị C có trả cho bà T nhiều lần tiền gốc và tiền lãi nhưng số tiền gốc và tiền lãi đã trả cụ thể bao nhiều anh C không nhớ cụ thể, vì chị C là người trực tiếp trả tiền cho bà T.

Anh C xác định hiện nay, anh C, chị C còn nợ của bà T 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên anh C yêu cầu mỗi tháng anh C, chị C, trả cho bà T 4.000.000đồng/tháng (bốn triệu đồng/tháng) cho đến khi hết nợ gốc 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền lãi chị C, anh C đã trả cho bà T. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim C và anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả cho bà T 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc và không yêu cầu trả lãi.

[2] Căn cứ vào các giấy mượn tiền của bà Trần Thị T và chị Huỳnh Thị Kim C, anh Nguyễn Văn C được xác lập ngày 12/12/2015 và ngày 27/5/2016, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn chị Huỳnh Thị Kim C và anh Nguyễn Văn C đều thống nhất: Trong hai năm 2015, năm 2016 vợ chồng anh C, chị C có vay của bà T nhiều lần tổng cộng số tiền vay là 570.000.000đồng(Năm trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, sau đó vợ chồng anh C, chị C có trả cho bà T hai lần tổng cộng là 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi

triệu đồng) tiền gốc, số tiền nợ gốc còn lại vợ chồng anh C, chị C còn nợ bà T là 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận đến cuối năm 2016 vợ chồng anh C, chị C trả toàn bộ số tiền nợ gốc trên cho bà T. Nhưng đến cuối năm 2016 bà T nhiều lần đến nhà anh C, chị C yêu cầu trả số tiền trên nhưng anh C, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T mà hai bên đã cam kết trong hợp đồng vay. Do đó anh C, chị C đã vi phạm về thời gian thanh toán nợ mà hai bên đã cam kết trong các hợp đồng vay ngày 12/12/2015 và ngày 27/5/2016. Tại phiên tòa bị đơn anh C, chị C xác định hiện tại còn nợ bà T 280.000.000 đồng tiền nợ gốc và yêu cầu được trả mỗi tháng 4.000.000đồng/tháng (bốn triệu đồng/tháng) cho đến khi hết nợ gốc 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng). Nguyên đơn bà T không chấp nhận yêu cầu trả hàng tháng của anh C, chị C và yêu cầu anh C, chị C trả số tiền nợ gốc 280.000.000đồng một lần và không yêu cầu trả lãi. Xét yêu cầu trả hàng tháng của anh C, chị C. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi đến hạn cuối trả nợ theo thỏa thuận của hai bên vào cuối năm 2016 đến nay, anh C chị C không trả bất cứ khoản tiền nào cho bà T, mặc dù bà T đòi rất nhiều lần, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ và tại phiên tòa nguyên đơn bà T không chấp nhận yêu cầu của anh C, chị C nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh C, chị C phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) là đúng quy định của luật.

[3] Về lãi: Bà T, anh C, chị C không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim C phải trả cho bà Trần Thị T 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

+ Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013774 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Nguyên đơn bà T, bị đơn anh C, chị C được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V ;
- Chi cục THA huyện V;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Kim Trọng

.